

PLX - LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 36% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng bán tăng; kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

Doanh Nghiệp • 31/07/2026

- Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 lần lượt hoàn thành 82% và 64% dự báo cả năm của chúng tôi. KQKD cao hơn kỳ vọng chủ yếu nhờ sản lượng bán và lợi nhuận gộp vượt dự báo.
- Trong 6T 2026, PLX ghi nhận doanh thu đạt 234,9 nghìn tỷ đồng (+63% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 2,0 nghìn tỷ đồng (+36% YoY). Tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu được hỗ trợ bởi: (1) sản lượng bán xăng dầu trong nước tăng 12,2% YoY; và (2) lợi nhuận phục hồi mạnh trong quý 2 sau khi hoàn nhập 6 nghìn tỷ đồng dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập trong quý 1. Các yếu tố tích cực này lần át: (3) biên lợi nhuận gộp 6T thu hẹp từ 6,1% trong 6T 2025 xuống còn 4,8%, trong bối cảnh giá xăng dầu biến động mạnh; và (4) chi phí bán hàng tăng 18% YoY khi PLX tiếp tục mở rộng hoạt động phân phối.
- Trong quý 2/2026, PLX đã ghi nhận doanh thu đạt 136 nghìn tỷ đồng (+78% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, đảo chiều từ mức lỗ 763 tỷ đồng trong quý 1/2026 và tăng 106% YoY. Lợi nhuận phục hồi mạnh chủ yếu nhờ: (1) khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (khoảng 6,1 nghìn tỷ đồng) đã trích lập vào cuối quý 1; và (2) mức tăng 8,7% YoY của sản lượng bán trong nước. Các yếu tố tích cực này lần át: (3) mức tăng 16% YoY của chi phí bán hàng; (4) mức tăng 38% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp; và (5) mức tăng 28% YoY của chi phí lãi vay, qua đó phản ánh nhu cầu vốn lưu động cao hơn trong bối cảnh giá xăng dầu duy trì ở mức cao.

Hình 1: KQKD quý 2 & 6T 2026 của PLX

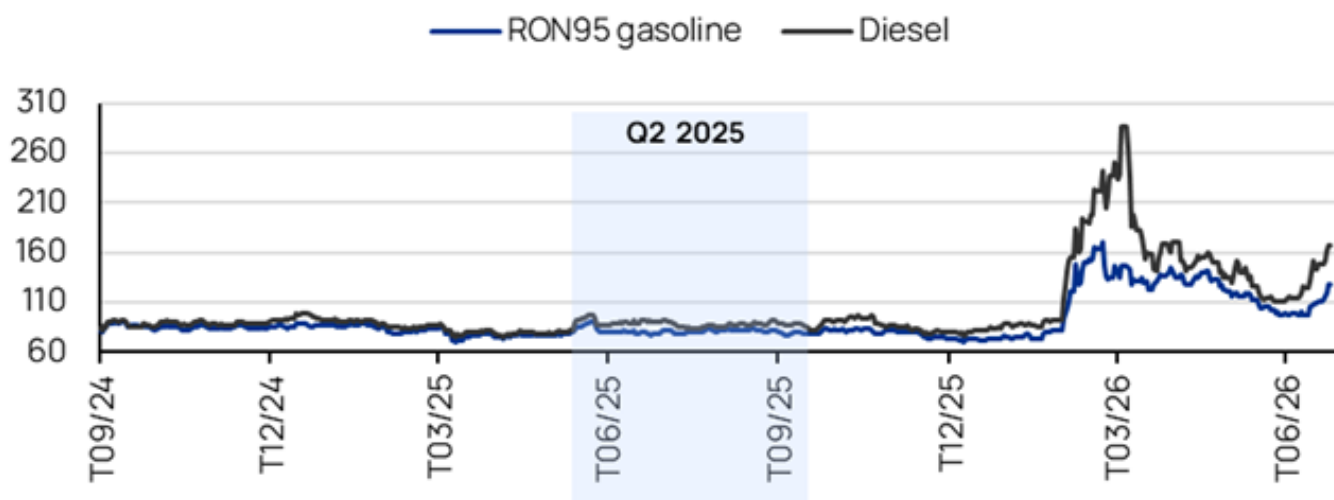
Tỷ đồng	Q2 2025	Q2 YoY% 2026	6T 2025	6T 2026	YoY%	% dự báo 2026
Giá dầu Brent (USD/thùng) *	67	97 45%	71	87	23%	146%
Giá xăng (đồng/lít) *	19,856	23,141 17%	20,320	22,239	9%	122%
Giá dầu diesel (đồng/lít) *	17,677	28,714 62%	18,303	25,331	38%	156%
Sản lượng bán trong nước (triệu m3)	2.97	3.23 8.7%	5.69	6.38	12.2%	54%

Doanh thu	76,539	136,218	78%	144,400	234,916	63%	82%
Lợi nhuận gộp	5,149	7,692	49%	8,861	11,392	29%	63%
Chi phí bán hàng	-3,463	-4,034	16%	-6,816	-8,026	18%	59%
Chi phí quản lý (G&A)	-301	-416	38%	-565	-746	32%	68%
Lợi nhuận từ HĐKD	1,385	3,242	134%	1,480	2,621	77%	75%
Thu nhập tài chính	441	443	0%	863	806	-7%	45%
Chi phí tài chính	-338	-503	49%	-631	-891	41%	69%
Chi phí lãi vay	-181	-231	28%	-346	-421	22%	60%
Lãi/lỗ từ công ty LDLK	150	154	3%	264	307	16%	53%
LNTT	1,647	3,364	104%	2,006	2,868	43%	63%
Thuế doanh nghiệp	-223	-319	43%	-370	-486	31%	53%
LNST báo cáo	1,424	3,045	114%	1,635	2,382	46%	65%
Lợi ích CĐTS	-59	-236	303%	-136	-336	147%	75%
LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo	1,366	2,809	106%	1,499	2,046	36%	64%
LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi	1,359	2,809	107%	1,476	2,046	39%	64%
						Δ điểm %	
Biên lợi nhuận gộp %	6.7%	5.6%	-1.1	6.1%	4.8%	-1.3	

Chi phí bán hàng & marketing/doanh thu	4.5%	3.0%	-1.6	4.7%	3.4%	-1.3
Chi phí quản lý/doanh thu	0.4%	0.3%	-0.1	0.4%	0.3%	-0.1
Biên LN từ HĐKD	1.8%	2.4%	+0.6	1.0%	1.1%	+0.1
Biên LNST sau lợi ích CĐTS	1.8%	2.1%	+0.3	1.0%	0.9%	-0.2
Biên LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi	1.8%	2.1%	+0.3	1.0%	0.9%	-0.2

Nguồn: PLX, Vietcap (*giá bán trung bình)

Hình 2: Biến động giá Platts Singapore (điểm tham chiếu cho giá bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam), không bao gồm tác động từ quỹ bình ổn giá xăng dầu (USD/thùng)



Nguồn: Bộ Công Thương, Vietcap (dữ liệu tính đến ngày 23/07/2026)

Hình 3: Giá bán lẻ xăng E5 và dầu diesel tại Việt Nam, bao gồm tác động từ quỹ bình ổn giá xăng dầu (đồng/lít)

